

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC X- VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh B;

Bà Lê Thị Cúc H.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn T1**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16-12-2025; về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29-12-2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: Ấp B, xã T2, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Năm 2017, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn B1, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T3, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) trong quá trình sống chung chị với anh B1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018 đang sống chung với chị.

Tài sản chung: Có, nhưng chị không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, sống chung không hạnh phúc, chị với anh B1 đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được, chị với anh B1 không còn sống chung từ tháng 11 năm 2023 đến nay, hiện tại chị và 02 con chung về bên gia đình ở khóm B (nay Ấp B), xã T2, tỉnh Vĩnh Long sống, còn anh B1 sống chung bên gia đình ở ấp L, xã T, vợ chồng không đoàn tụ được.

Chị Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B1.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018, không yêu cầu anh Nguyễn Văn B1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có, nhưng chị không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn B1 trình bày:

Năm 2017, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Ngọc B, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T3, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) trong quá trình sống chung anh với chị B có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018 đang sống chung với chị B.

Tài sản chung: Có, nhưng anh không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, sống chung không hạnh phúc, anh với chị B không còn sống chung từ năm 2023 đến nay, không hàn gắn, đoàn tụ được, anh thống ly hôn với chị B, do điều kiện đi làm nên anh xin vắng mặt.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có, nhưng anh thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh con; CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn B1 đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung, anh Nguyễn Văn B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nguyễn Thị Ngọc B không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai có, nhưng không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn B1 có hộ khẩu tại ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai, chị B với anh B1 kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T3, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị B với anh B1 là hợp pháp. Quá trình sống chung chị B với anh B1 đều xác định tình trạng hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị B với anh B1 không còn sống chung vợ chồng từ năm 2023 đến nay, hai người đều xác định vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được cùng thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị B với anh B1.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai, thời gian sống chung chị B với anh B1 có 02 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018 đang sống chung với chị B, chị B có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, qua ý kiến của con chung Nguyễn Minh K và Nguyễn Thế V đều có nguyện vọng được sống chung với chị B, anh B1 cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị B nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận về quyền nuôi con chung của chị B với anh B1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội

đồng xét xử ghi nhận. Do chị B không yêu cầu anh B1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai có, nhưng không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết;

[5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 55, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B1 đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 09/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con chung; Anh Nguyễn Văn B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nguyễn Thị Ngọc B không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai có, nhưng không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết;

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Nguyễn Văn B1 thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012210, ngày 16-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn B1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV12- Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV 12- Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm